

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-7-2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Thị Dung.

2/ Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022, trong quá trình tố tụng chị Trần Thị N trình bày:*

Chị và anh Ngô Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp (Ba Tri- Bến Tre). Chị và anh H chung sống khoảng 01 năm thì phát hiện anh H mượn tiền chủ ghe chơi cờ rồi thiếu nợ, anh H hứa lo làm ăn nhưng vẫn đi chơi còn có người phụ nữ ở quán mà anh H tới lui gọi điện thoại. Chị thấy anh H

không lo làm ăn mà chơi bời nên chị và anh H đã sống ly thân cách nay đã hơn 03 năm. Trong thời gian ly thân, anh H không tới lui mà chỉ có người em chồng lâu lâu tới rước cháu Vân về bên nội chơi. Chị nhận thấy chị và anh H không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Chị và anh Ngô Văn H có 01 con chung: Cháu Ngô Trần Tuyết V, sinh ngày 21/12/2015; khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Ngô Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* *Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn H. Chị yêu cầu nuôi cháu Ngô Trần Tuyết V, sinh ngày 21/12/2015 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không, nợ chung không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Vụ án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục. Đối với đương sự, nguyên đơn chị N thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh H vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị N và anh H có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp vào ngày 20/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh H xảy ra mâu thuẫn và hai bên không thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi cháu Ngô Trần Tuyết V, sinh ngày 21/12/2015, anh H không tranh chấp nuôi con. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N về việc yêu cầu ly hôn với anh H. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Anh Ngô Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Ngô Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp (Ba Tri-Bến Tre) vào ngày 20/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H; riêng anh H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh H tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H.

[2] Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi cháu Ngô Trần Tuyết V, sinh ngày 21/12/2015; anh H không tranh chấp nuôi con. Do đó, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị N phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Ngô Văn H.
2. Con chung: Chị Trần Thị N tiếp tục nuôi cháu Ngô Trần Tuyết V, sinh ngày 21/12/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Văn H có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị N phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003794 ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Hiệp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

